

MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC, THỦ ĐOẠN PHẠM TỘI VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP TIỀN TỆ QUA BIÊN GIỚI TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

CHU QUỐC TOÀN
TRƯƠNG THỊ TUYẾT MINH
Ban Nội chính Trung ương
NGUYỄN ANH TUẤN
Tòa án nhân dân khu vực 2, Khánh Hòa

Nhận bài ngày 08/6/2026. Sửa chữa xong 03/7/2026. Duyệt đăng 13/7/2026.

Abstract

Illegal cross-border transportation of currency is a criminal act that infringes upon the economic management order, affects national financial security, and poses risks of the occurrence of other crimes such as money laundering, terrorist financing, and tax evasion. In the context of international integration and the development of digital technology, the methods and modus operandi of this crime have become increasingly diverse and sophisticated, making its detection and handling more challenging. This article analyzes the legal elements of the crime of illegal cross-border transportation of currency under the provisions of the Criminal Code of Vietnam, clarifies common methods and modus operandi identified in practice in Vietnam, and proposes solutions to enhance the effectiveness of preventing, detecting, and handling this type of crime.

Keywords: Border, Crime prevention, cross-border currency transportation, currency, illegal transportation.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ, cùng với sự phổ biến của Internet và các nền tảng trực tuyến, hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ (VCTPTT) qua biên giới đã có những biến tướng cả về hình thức lẫn phương thức thực hiện. Nếu như trước đây, các hành vi này chủ yếu thực hiện thông qua những phương thức truyền thống thì hiện nay đã xuất hiện nhiều phương thức, thủ đoạn mới tinh vi, phức tạp và khó phát hiện hơn. Các đối tượng lợi dụng các sàn giao dịch để thực hiện các giao dịch tiền điện tử, tiền mã hóa qua lại giữa các ví điện tử, lập các hợp đồng mua bán hàng hóa, mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và dịch vụ nhằm mục đích chuyển tiền xuyên biên giới cũng như các nền tảng trung gian để che giấu nguồn gốc, dòng dịch chuyển của tiền tệ, qua đó nhằm né tránh sự kiểm tra, giám sát, phát hiện của cơ quan chức năng. Thực tiễn cho thấy, những hành vi này không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cơ chế quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính mà còn tiềm ẩn mối liên hệ chặt chẽ với nhiều loại tội phạm khác như rửa tiền, trốn thuế, buôn lậu hoặc nhằm tẩu tán tài sản của các đối tượng phạm tội. Hệ quả là, chúng gây ra những tác động tiêu cực sâu rộng đối với nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại cho lợi ích Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, gây mất an ninh kinh tế, mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Trước bối cảnh đó, việc đặt ra yêu cầu nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về thực trạng một số phương thức, thủ đoạn của các đối tượng phạm tội VCTPTT qua biên giới trở nên đặc biệt cấp thiết. Việc phân tích và nhận diện đúng bản chất, phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này không chỉ góp phần làm rõ các đặc trưng pháp lý, các hành vi diễn ra trong thực tiễn mà còn là nền tảng để xây dựng các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý. Trên cơ sở đó có thể đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý loại tội phạm này trong giai đoạn tới.

Email: Quoctoan97law@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số phương thức, thủ đoạn phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” ở Việt Nam hiện nay

Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới được quy định tại Điều 189 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025. Theo đó, tội phạm vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới được hiểu là hành vi của cá nhân, pháp nhân thương mại vận chuyển qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý hoặc di vật, cổ vật (Quốc hội, 2015; Quốc hội, 2017; Quốc hội, 2025).

Hiện nay, các hành vi phạm tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới được các đối tượng thực hiện thông qua nhiều phương thức đa dạng, từ truyền thống đến hiện đại. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thông qua phương thức đổi tiền sang ngoại tệ có tỷ giá cao hoặc mua các tài sản có giá trị cao, kích thước nhỏ (kim cương, vàng,...) sau đó ngụy trang rồi vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam hoặc ngược lại.

“Tháng 9/2024, Chan Hoi P quen biết người đàn ông sống ở Hồng Kông - Trung Quốc tên Bo L (không rõ lai lịch cụ thể), người này thuê Chan Hoi P vận chuyển vàng miếng từ Hồng Kông sang Việt Nam và hứa hẹn trả công 7.000 đô la Hồng Kông và Chan Hoi P đồng ý. Trước khi ra sân bay Hồng Kông, Chan Hoi P mặc chiếc quần sooc đã được may thêm túi, cất 05 miếng vàng cho vào 04 túi quần, 01 miếng vàng giấu trong đế giày chân phải, 01 miếng vàng giấu trong đế giày chân trái. Sau đó, Chan Hoi P ra sân bay Hồng Kông và làm thủ tục xuất cảnh đến Việt Nam và hạ cánh tại Sân bay Nội Bài, khi làm thủ tục nhập cảnh không thực hiện việc khai báo tờ khai hải quan đối với hành lý, hàng hóa mang theo tại khu vực kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan theo quy định. Khi bộ phận an ninh soi chiếu hành lý và rà soát bằng máy quét kim loại trên người của Chan Hoi P thì phát hiện trên người Chan Hoi P có cất giấu 07 miếng vàng. Đội thủ tục hành lý nhập khẩu - Chi cục Hải quan cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hà Nội tiến hành thu giữ hàng hóa và mời Chan Hoi P về trụ sở làm việc. Tại Kết luận định giá tài sản số 312/KL-HĐ ngày 20/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận: 07 miếng vàng có giá trị là 15.714.753.050 đồng” (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 2025).

Từ vụ án này có thể nhận diện rõ tính chất tinh vi của hành vi phạm tội, thể hiện ở việc các đối tượng không chỉ am hiểu các quy định pháp luật Việt Nam mà còn chủ động lợi dụng những kẽ hở trong cơ chế kiểm soát. Cụ thể, việc lựa chọn vàng - một loại tiền tệ có giá trị cao, kích thước nhỏ gọn và tính thanh khoản lớn đã được sử dụng như một phương tiện ngụy trang hiệu quả nhằm qua mặt cơ quan chức năng và che giấu nguồn gốc cũng như bản chất bất hợp pháp. Hành vi này cho thấy sự tính toán có chủ đích và mức độ chuyên nghiệp cao trong phương thức, thủ đoạn phạm tội, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc hoàn thiện cơ chế giám sát và kiểm soát các giao dịch có yếu tố rủi ro cao.

Thứ hai, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thông qua phương thức lập các công ty trong và ngoài nước rồi thực hiện hành vi lập khống hợp đồng mua bán hàng hóa xuất, nhập khẩu giữa các công ty này với nhau, nâng khống giá trị nhằm chuyển tiền trái phép từ nước ngoài về Việt Nam hoặc ngược lại.

Vụ án thứ nhất: “Vụ án Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới xảy ra tại Thành phố Hà Nội. Kết quả điều tra xác định, từ năm 2016, Nguyễn Thị Nguyệt (Sinh năm 1985; trú tại Tổ 10, phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ) cùng chồng là Phạm Anh Tuấn thuê pháp nhân công ty; mượn chứng minh nhân dân của người thân trong gia đình để thành lập 08 công ty, mua lại 01 công ty trong và ngoài nước để sử dụng các công ty này chuyển tiền trái phép ra nước ngoài, cụ thể: Các công ty này thực tế không có hoạt động xuất, nhập khẩu, tuy nhiên Nguyệt đã chỉ đạo đồng phạm lập khống các hợp đồng mua bán hàng hóa là IC điện tử giữa Công ty có trụ sở tại Việt Nam với Công ty có trụ sở tại Trung Quốc hoặc lập khống các hợp đồng mua bán hàng hóa là IC điện thoại thông minh giữa Công ty có trụ sở tại Việt Nam với Công ty có trụ sở tại Singapore, sau đó xuất bán cho các Công ty tại Trung Quốc theo hình thức tạm

nhập từ Singapore về Việt Nam và tái xuất sang Trung Quốc nhằm chuyển tiền trái phép từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại. Nhóm đối tượng hưởng lợi số tiền là 0,1% trên tổng giá trị mỗi giao dịch chuyển tiền. Trong thời gian từ năm 2016 đến khi bị phát hiện, ổ nhóm do Nguyễn Thị Nguyệt cầm đầu đã sử dụng pháp nhân của 09 công ty chuyển trái phép số tiền trên 27 tỷ đồng” (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 2025).

Vụ án thứ hai: “Vụ án Đào Thị Oanh dùng hợp đồng khống chuyển hơn 3.900 tỷ đồng ra nước ngoài. Cáo trạng thể hiện, từ tháng 01/2021 đến tháng 8/2022, Oanh đã chỉ đạo các bị cáo khác mua, thành lập, sử dụng 09 pháp nhân tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, mở tài khoản tại các ngân hàng có chức năng thanh toán quốc tế, sau đó dùng 09 công ty này lập khống 2.013 hợp đồng nhập khẩu hàng hóa với 1.739 công ty tại 41 quốc gia. Oanh đã sử dụng các hợp đồng khống này để chuyển tiền điện tử qua tài khoản ngân hàng của 09 pháp nhân trên theo hình thức chuyển tiền T/T (chuyển tiền trước hợp đồng nhập khẩu). Tổng số tiền đã chuyển vào tài khoản các đối tác nước ngoài là hơn 3.923 tỷ đồng. Khi thực hiện chuyển tiền thanh toán quốc tế, toàn bộ các chứng từ hải quan được các đối tượng xin nợ và cam kết hoàn trả thủ tục sau khi nhận nhập khẩu hàng. Thực tế, bị cáo Oanh không làm thủ tục nhập khẩu, không có chứng từ nhập khẩu hàng hóa nộp cho các ngân hàng, không khai báo thuế; đồng thời, giải thể các công ty trên để tránh sự kiểm tra của các cơ quan chức năng” (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 2025).

Trong các vụ án này, có thể thấy các đối tượng đã có chủ đích khai thác triệt để những “khoảng trống kiểm soát” trong cơ chế quản lý của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan Hải quan và các ngân hàng thương mại đối với hoạt động thanh toán quốc tế. Đáng chú ý, các đối tượng đã lợi dụng chính quy trình nghiệp vụ và tập quán xử lý hồ sơ của ngân hàng, theo đó việc kiểm tra thường ưu tiên tính hợp lệ về mặt hình thức, trong khi các chứng từ liên quan đến nhập khẩu có thể được bổ sung sau. Chính độ trễ trong kiểm soát này đã tạo điều kiện để các đối tượng nhanh chóng thực hiện việc chuyển tiền ra nước ngoài trước khi hệ thống kiểm tra hoàn tất việc đối chiếu nội dung thực chất của giao dịch. Sau đó, bằng các thủ đoạn nghiệp vụ tinh vi, các đối tượng tiếp tục xóa dấu vết, gây khó khăn đáng kể cho hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý của các cơ quan có thẩm quyền. Hành vi này phản ánh rõ sự lợi dụng có hệ thống đối với quy trình kiểm soát còn bất cập, qua đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuyển từ cơ chế kiểm tra hậu kiểm sang kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong việc tiền kiểm và giám sát theo thời gian thực.

Thứ ba, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thông qua phương thức lập khống các hợp đồng góp vốn, mua bán, chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu; hợp đồng tư vấn; hợp đồng vay nợ giữa các công ty tại Việt Nam với các công ty, tổ chức ở nước ngoài hoặc ngược lại.

“Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, rửa tiền, vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới xảy ra tại Ngân hàng SCB và Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, theo lời khai của bị cáo Trương Mỹ Lan tại cáo trạng, khi cần chuyển tiền ra nước ngoài để trả nợ hoặc nhận tiền vay từ nước ngoài chuyển về Việt Nam, bị cáo Lan giao cho đối tượng Công phối hợp cùng với các đối tượng Phương Anh, Chiu Bing Keung Kenneth (luật sư) lập các hợp đồng “khống” mua bán cổ phần, vốn góp, tư vấn, vay nợ giữa các công ty tại Việt Nam và công ty, tổ chức ở nước ngoài (đều là các công ty “ma” thuộc quản lý, điều hành của các cá nhân thuộc Tập đoàn Vạn Thịnh Phát) để thực hiện việc chuyển tiền qua lại. Tổng số tiền mà bị cáo Trương Mỹ Lan chỉ đạo các đối tượng chuyển trái phép ra nước ngoài và từ nước ngoài về Việt Nam được Cơ quan điều tra xác định là 4,5 tỷ USD” (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 2025).

Vụ án này là minh chứng điển hình về quy mô tổ chức, mức độ tinh vi của phương thức, thủ đoạn phạm tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới trong bối cảnh hiện nay. Theo đó, hành vi phạm tội không còn dừng lại ở hình thức “chuyển tiền chui” mang tính đơn lẻ mà đã phát triển thành một mô hình có tính tổ chức cao, kết hợp giữa rửa tiền và vận chuyển tài sản xuyên biên giới, được che giấu dưới vỏ bọc của các cấu trúc pháp lý doanh nghiệp. Điểm đặc biệt nghiêm trọng của vụ án nằm ở việc dòng tiền bất hợp pháp được “hợp pháp hóa” thông qua một hệ thống các hợp đồng, pháp nhân và

giao dịch giả tạo được thiết lập có chủ đích, vận hành bài bản và kéo dài trong một khoảng thời gian dài. Về bản chất, đây là thủ đoạn tạo lập các giao dịch dân sự, thương mại giả tạo nhằm che giấu giao dịch thực sự. Dưới góc độ hình thức, các giao dịch này được thể hiện dưới dạng hợp đồng đầu tư tài chính, hợp đồng thương mại, cung ứng dịch vụ; tuy nhiên, xét về nội hàm, chúng chỉ đóng vai trò là công cụ để các đối tượng hợp thức hóa dòng tiền có nguồn gốc bất hợp pháp, che giấu bản chất tài sản và nguy trạng hành vi chuyển tiền trái phép qua biên giới.

Thứ tư, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thông qua phương thức nhận tiền của khách hàng ở Việt Nam sau đó nhờ người thân, người quen bên nước ngoài chuyển cho những người được chỉ định hoặc ngược lại.

"Khoảng năm 2019, Võ Thị H sử dụng tài khoản Wechat tên H (viết bằng chữ Trung Quốc) thì có tài khoản Wechat tên "Anh Trai Việt Nam" kết bạn Wechat với Võ Thị H, yêu cầu Võ Thị H làm hướng dẫn viên du lịch cho người này tại Việt Nam và Võ Thị H đồng ý, qua nói chuyện thì Võ Thị H biết người sử dụng tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" là người Trung Quốc. Sau đó, gia đình của người sử dụng tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" sang Việt Nam thuê Võ Thị H làm hướng dẫn viên du lịch cho gia đình người này tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Một thời gian sau, tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" đề nghị Võ Thị H giúp người này chuyển tiền từ Việt Nam sang Trung Quốc cho người này, H đồng ý. Võ Thị H nhắn tin với tài khoản Wechat của người tên "Giản Thị L9" (đang xác minh nhân thân của đối tượng thông qua tài khoản Ngân hàng T23, số tài khoản 1903349360xxxx) để nhờ người này chuyển tiền Nhân Dân Tệ vào tài khoản Ngân hàng T24 cho người sử dụng tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam". Khi L9 báo tỷ giá Nhân Dân Tệ cho Võ Thị H thì H sẽ báo tỷ giá cho tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" cao hơn khoảng 04 đồng/01 Nhân Dân Tệ. Ví dụ: Nếu L9 báo 01 đồng Nhân Dân Tệ là 3.000 đồng thì H sẽ báo lại 01 Nhân Dân Tệ giá 3.004 đồng. Nếu người sử dụng tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" đồng ý với tỷ giá Nhân Dân Tệ mà H gửi thì H cung cấp cho người này tài khoản Ngân hàng T25 số 1903303777xxxx của H để người này chuyển tiền VNĐ. Khi nhận được tiền H sẽ chuyển VNĐ sau khi đã trừ đi tiền chênh lệch tỷ giá vào tài khoản Ngân hàng T23 số 1903349360xxxx của L9 và L9 tiếp tục sử dụng tài khoản Trung Quốc (H không biết L9 sử dụng tài khoản của cá nhân, tổ chức nào) chuyển tiền Nhân Dân Tệ vào tài khoản Ngân hàng T24 mà tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" gửi cho H. Sau khi L9 chuyển tiền xong thì L9 sẽ chụp biên lai chuyển tiền gửi qua cho H và H sẽ gửi hình ảnh biên lai chuyển tiền cho tài khoản "Anh trai Việt Nam" để biết là đã chuyển tiền thành công. Võ Thị H đã giúp người sử dụng tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" chuyển tiền vài lần (không nhớ số lần), với tổng số tiền chuyển từ Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đến 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Sau đó, nhiều tài khoản W1 là người Trung Quốc kết bạn với tài khoản Wechat của Võ Thị H, nói là có người giới thiệu chuyển tiền và H đều đồng ý. Cách thức H giúp các đối tượng Trung Quốc chuyển tiền VNĐ từ Việt Nam sang Trung Quốc như cách H chuyển tiền cho người sử dụng tài khoản Wechat "Anh trai Việt Nam" (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 2025).

Hai vụ việc trên bản chất thủ đoạn phạm tội được các đối tượng sử dụng là chuyển tiền ngầm. Các đối tượng không trực tiếp chuyển tiền qua tổ chức tín dụng được cấp phép mà lại thực hiện hành vi nhận tiền ở Việt Nam sau đó chỉ đạo người thân quen ở nước ngoài giao tiền cho người thụ hưởng ở nước ngoài và hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá hoặc phí dịch vụ. Đây là thủ đoạn có tính ẩn danh cao, gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc truy vết dòng tiền.

Thứ năm, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thông qua phương thức lợi dụng việc thực hiện các giao dịch tặng cho, chuyển nhượng tiền mã hóa, tiền điện tử trên sàn giao dịch (Binance, OKX, Bybit, BingX, Bitget, Mexc,...) để chuyển tiền trái phép ra nước ngoài hoặc ngược lại.

"Năm 2022, Nguyễn Quốc Đ1 cùng với Lâm Thị Ngọc L3 lập nhóm trên Telegram để mua bán USDT (tiền điện tử). Đ1 có nhiệm vụ tìm khách hàng đưa vào nhóm để trao đổi, mua bán, khi khách đồng ý sẽ chuyển tiền vào tài khoản của L3 và L3 chuyển USDT vào các ví tiền ảo do đối tượng yêu cầu hoặc khách

chuyển USDT vào ví của L3 rồi L3 chuyển tiền VNĐ vào tài khoản của khách. Trong nhóm các đối tượng mua tiền ảo của Đ1 và L3 có các đối tượng người Trung Quốc. Trong đó đối tượng Sun X là đối tượng cầm đầu đường dây “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và Wu Jian C2 (sinh ngày 05/10/1982, quốc tịch Trung Quốc, trú tại: Căn hộ T.08, Chung cư M, số A Xa lộ H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) sử dụng các tài khoản mang tên các đối tượng Nguyễn Chánh T4, Lý Xương B2, Phạm Trúc V6, Nguyễn Thị Mỹ Q và Lý Ngọc N6 nhận tiền từ các công ty Trung gian thanh toán (theo yêu cầu chi hộ của Công ty N7) và chuyển tiền đến tài khoản của L3. L3 mua USDT và chuyển đến ví điện tử do các đối tượng này chỉ định có địa chỉ: TP82GRY5FSxZBXXFrTwW5rWHHPgV1M4j3s. L3 dùng tài khoản tiền ảo trên sàn B4 và ví T15 có địa chỉ: TYtu99cxjh8K6QoZj1CfnxWARjD4Am5Abs của L3 chuyển vào ví do Wu Jian C2 chỉ định có địa chỉ: TP82GRY5FSxZBXXFrTwW5rWHHPgV1M4j3s nhiều lần với tổng số tiền ảo là 1.467.171,1 USDT, tương đương khoảng 35.212.104.000 đồng (tỷ giá trung bình 24.000 VNĐ/01 USDT). Ngoài ra, Nguyễn Quốc Đ1 và Lâm Thị Ngọc L3 đã nhiều lần chuyển lượng tiền ảo 1.374.265 USDT quy đổi tương ứng 32.982.360.000 đồng (tỷ giá trung bình 24.000 VNĐ/01 USDT) cho đối tượng biệt danh Ethen người Đài L3 có địa chỉ ví: TAHRJzLDEBzp17AAYE4Et6nuiq6qZSdbBk. L3 sử dụng tài khoản tiền ảo trên sàn B4 và ví tiền ảo Trust có địa chỉ: Tytu99cxjh8K6QoZj1CfnxWARjD4 Am5Abs để chuyển đồng USDT đến ví tiền ảo của đối tượng Sun X” (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 2025).

Có một số quan điểm cho rằng: Tại thời điểm vụ án xảy ra, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về tiền kỹ thuật số, tiền mã hóa là một loại tài sản, tiền tệ nên việc các cơ quan tiến hành tố tụng xác định các bị can, bị cáo trong vụ án này thực hiện hành vi phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” chưa thực sự thỏa đáng vì bản chất tiền VND trong vụ án được luân chuyển giữa các tài khoản VND trong lãnh thổ Việt Nam và thực chất chỉ có tiền kỹ thuật số, tiền mã hóa mới được chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông qua các tài khoản của một số sàn giao dịch tiền điện tử. Qua vụ án này có thể thấy, thủ đoạn của các đối tượng phạm tội đã phát triển theo hướng đặc biệt tinh vi và đa dạng, không chỉ dừng lại ở việc lợi dụng các kênh chuyển tiền truyền thống hoặc các giao dịch thương mại thông thường mà còn mở rộng sang việc khai thác các thành tựu công nghệ cao. Trong khi đó, quy định của pháp luật Việt Nam đối với các loại tiền điện tử, tiền mã hóa này vẫn chưa hoàn thiện, nhất là trong việc điều chỉnh hoạt động chuyển tiền xuyên biên giới. Thực tiễn này đặt ra thách thức lớn đối với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, xử lý, đòi hỏi phải sớm hoàn thiện hành lang pháp lý, đồng thời nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và xử lý đối với các giao dịch tài chính có yếu tố công nghệ cao, bảo đảm theo kịp sự biến đổi nhanh chóng của phương thức, thủ đoạn phạm tội trong bối cảnh công nghệ số hiện nay.

2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý đối với các thủ đoạn phạm tội này

Xuất phát từ thực tiễn cho thấy tội VCTPTT qua biên giới tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay được các đối tượng thực hiện với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi và đa dạng gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý. Do đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý đối với loại tội phạm này, cụ thể như sau:

2.2.1. Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật hiện hành, trong đó tập trung làm rõ cấu thành và biểu hiện của các hành vi vi phạm cũng như hệ thống chế tài áp dụng đối với tội phạm “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Đồng thời, chú trọng thông tin về cơ chế khen thưởng nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật, chủ động phát hiện, cung cấp thông tin và tố giác các hành vi vi phạm, qua đó hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

2.2.2. Đẩy mạnh việc tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác phát hiện và xử lý vi phạm cho các lực lượng thực thi nhiệm vụ tại khu vực biên giới Việt Nam và các lực lượng có liên quan (Công an, Bộ

đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Ngân hàng Nhà nước...). Nội dung đào tạo cần được thiết kế gắn với yêu cầu thực tiễn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm cập nhật kịp thời các phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm, qua đó nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý. Song song với đó, cần tăng cường đầu tư, trang bị mới và bổ sung các phương tiện, thiết bị nghiệp vụ theo hướng hiện đại, đồng bộ nhằm nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát, kiểm soát và phát hiện đối với các hành vi vi phạm liên quan đến vận chuyển trái phép tiền, ngoại tệ hoặc tài sản có giá trị lớn qua các cảng biển, cửa khẩu, khu vực biên giới, theo cả hai chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

2.2.3. Tiếp tục tăng cường và thể chế hóa cơ chế phối hợp liên ngành giữa các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước với các Chi cục Hải quan khu vực theo hướng thường xuyên, chặt chẽ và có tính hệ thống, đặc biệt trong hoạt động giám sát các giao dịch chuyển tiền phục vụ mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu. Trọng tâm là xây dựng và vận hành hiệu quả quy trình trao đổi thông tin, đối soát dữ liệu và cơ chế cảnh báo sớm nhằm kịp thời nhận diện các giao dịch có dấu hiệu bất thường. Trên cơ sở các dấu hiệu nghi vấn được xác lập, cơ quan Hải quan cần chủ động tăng cường kiểm tra thực tế hàng hóa tại các cảng biển, cửa khẩu, đồng thời kết hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ liên quan, qua đó phát hiện và xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi vi phạm chuyển tiền qua biên giới thông qua thủ đoạn lập khống hợp đồng mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Tiếp tục hoàn thiện, tăng cường và thể chế hóa một cách đồng bộ cơ chế phối hợp liên ngành giữa Cơ quan điều tra, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính (bao gồm các lĩnh vực Thuế, Chứng khoán, Đầu tư), qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khắc phục căn bản những khoảng trống đáng kể về thông tin và dữ liệu tài chính của doanh nghiệp trong nước. Trên cơ sở đó, bảo đảm khả năng phát hiện sớm và xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng việc thiết lập các giao dịch giả tạo như hợp đồng mua bán cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, cung ứng dịch vụ hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp “ma” trong nước nhằm thực hiện hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Đồng thời, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc trao đổi thông tin, xác minh tư cách pháp lý, giá trị doanh nghiệp và lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài khi phát sinh các giao dịch chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài thông qua các hợp đồng góp vốn, mua bán chứng khoán hoặc cung ứng dịch vụ. Việc này nhằm bảo đảm xác định chính xác mục đích của dòng tiền, qua đó kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các đối tượng lợi dụng việc thiết lập các giao dịch giả tạo nhằm mục đích thực hiện hành vi chuyển tiền bất hợp pháp ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

2.2.5. Trước mắt cần thiết xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 105 của Bộ luật Dân sự 2015 theo hướng ghi nhận rõ “tiền mã hóa, tiền điện tử” là một dạng tài sản, qua đó bảo đảm sự thống nhất trong nhận diện và áp dụng pháp luật đối với các loại hình tài sản mới phát sinh trong thực tiễn. Đồng thời, các cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương cần có sự chỉ đạo thống nhất về quan điểm giải thích và áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định cấu thành của tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo hướng bao quát cả hành vi chuyển dịch “tiền mã hóa, tiền điện tử” giữa các tài khoản có yếu tố trong nước và nước ngoài nhằm tránh bỏ lọt hành vi phạm tội này (Quốc hội, 2015).

2.2.6. Trên cơ sở kiến nghị thứ năm nêu trên cần xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025 theo hướng ghi nhận bổ sung thêm cụm từ “tài sản” cho thống nhất trong quá trình xử lý. Đồng thời, các cơ quan tiến hành tố tụng cần có hướng dẫn cụ thể, thống nhất đối với trường hợp định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với loại tài sản là tiền mã hóa, tiền điện tử tránh gây khó khăn vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Xem tiếp trang 326